TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 12 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.

2. Ông Ngô Văn Lầu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà A. Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Sóc Trăng. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Bị đơn: Ông B. Địa chỉ: Hoa Kỳ. *(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2018 và đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án đề ngày 05/12/2018, nguyên đơn bà A trình bày: Vào năm 2010, bà được gia đình giới thiệu và quen biết với ông B. Sau đó, hai người thường xuyên liên lạc qua điện thoại tìm hiểu nhau. Một thời gian sau thì ông B có về Việt Nam thăm gia đình và thăm bà. Hai người cảm thấy hợp nhau nên tự nguyện tiến đến hôn nhân. Hai người có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2012, vào sổ đăng ký kết hôn số 17, quyển số 01 ngày 20/01/2012.

Sau khi kết hôn, ông B về Hoa Kỳ, còn bà vẫn sinh sống tại Việt Nam. Đến ngày 28/9/2012, bà sinh cháu C. Từ khi sinh cháu xong tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn và từ năm 2013 đến nay hai người đã ly thân. Mặc dù hàng năm, ông B có về Việt Nam thăm nhưng chủ yếu là thăm con, còn tình cảm vợ chồng không còn nữa và hiện nay cả hai đều không muốn hàn gắn mối quan hệ này.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông B có 01 con chung là cháu C, sinh ngày 28/9/2012. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi cháu C cho đến khi cháu 18 tuổi, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, do hiện nay bà bận rất nhiều công việc, không có thời gian để đến Tòa án tham gia tố tụng được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

Theo tờ tường trình đề ngày 29/10/2018 và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/10/2018, bị đơn ông B trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà A trong đơn khởi kiện. Qua thời gian tìm hiểu 02 năm, đến năm 2012 ông về Việt Nam làm đám cưới với bà A và đăng ký kết hôn theo quy định, được Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01, ngày 20/01/2012.

Sau khi kết hôn, ông về Hoa Kỳ còn bà A vẫn sinh sống tại Việt Nam. Đến ngày 28/9/2012, bà A sinh cháu C. Từ khi sinh cháu xong tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn và từ năm 2013 đến nay hai người đã ly thân. Hai người xác định giữa hai bên không còn tình cảm với nhau nữa.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đối với yêu cầu khởi kiện của bà A thì ông B yêu cầu:

- Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà A.

- Về con chung: Ông đồng ý giao con chung là cháu C, sinh ngày 28/9/2012 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, do hiện nay công việc ông đang làm ở Hoa Kỳ không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa được nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án, ông cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà A yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông B; về con chung nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu C, sinh ngày 28/9/2012 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Ngày 29/10/2018 và ngày 05/12/2018 lần lượt bị đơn và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà A và bị đơn ông B là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 18/01/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, ông B trở về Hoa Kỳ sinh sống còn bà A tiếp tục sinh sống tại Việt Nam. Từ khi sinh con chung là cháu C thì giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn, từ năm 2013 cho đến nay thì giữa hai người đã ly thân. Hiện nay, cả bà A và ông B đều xác định giữa hai người đã không còn tình cảm với nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà A và ông B không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn và hiện nay mỗi người sống một nơi không còn yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt dược, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà A yêu cầu ly hôn với ông B thì ông B cũng đồng ý. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà A xin được ly hôn với ông B là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà A được ly hôn với ông B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà A và ông B có với nhau 01 người con chung là cháu C, sinh ngày 28/9/2012, bà A yêu cầu giải quyết cho bà A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu C đang sống cùng với bà A tại Việt Nam, bà A cũng có thu nhập ổn định, có đủ khả năng để nuôi dạy cháu C đến tuổi trưởng thành, phía ông B cũng thống nhất giao cháu C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A, giao cháu C cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà A không yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông B sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà A và ông B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Giao cháu C, sinh ngày 28/9/2012 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0006304 ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng (01);
- UBND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa GĐ-NCTN (02).

Tôn Thị Thanh Thúy